

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

PHIẾU KẾT QUẢ
THỬ NGHIỆM

☎: 081.585.6611

✉: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

✓: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên
Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Số phiếu: 00255/2023/PKQ
(23.141)



Vimcerts 316

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương
- Địa chỉ : Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Ngày lấy mẫu : 13/02/2023
- Ngày trả kết quả : 22/02/2023
- Vị trí lấy mẫu :



STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N140223-001	NT1	Nước thải trước xử lý (X=2317770; Y=585754)	Nước thải
2	N140223-002	NT2	Nước thải sau xử lý (X=2317772; Y=585756)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Đỗ Thị Thuý Vân

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 01

Trang 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: N140223-001, N140223-002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/BTNMT		QCVN 14:2008/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột B	Cmax	Cột B	Cmax
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,5	7,6	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9	5 - 9	5 - 9
2	TDS ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	448	735	-	-	1.000	1.200
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	3.241	42,1	50	49,5	50	60
4	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	5.365	118,2	150	148,5	-	-
5	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	489	24	100	99	100	120
6	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,002)	KPH (MDL = 0,002)	0,1	0,099	-	-
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2017,	KPH (MDL = 0,0007)	KPH (MDL = 0,0007)	0,01	0,0099	-	-
8	DO ^(b)	mg/l	TCVN 7325:2016	0,96	3,6	-	-	-	-
9	Chi (Pb) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,002)	0,5	0,495	-	-
10	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	2,38	4,74	-	-	50	60
11	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	TCVN 6193(A):1996	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	0,1	0,099	-	-
12	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	12,4	4,58	-	-	10	12
13	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,8	0,4	-	-	20	24
14	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540 B&C:2017	0,591	KPH (MDL = 0,02)	-	-	10	12
15	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	36,43	17,37	40	39,6	-	-

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 01

Trang 2/3

16	Tổng Phospho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	20,9	4,74	6	5,94	-	-
17	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	$7,9 \times 10^5$	$1,4 \times 10^3$	5.000	5.000	5.000	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- $C_{max} = C_x K_q \times K_f$, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- $C_{max} = C_x K$, $K = 1,2$.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- N140223-001: Nước thải trước xử lý (NT1)
- N140223-002: Nước thải sau xử lý (NT2)



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Kết sức mạnh - Nổi thành công

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT140223-007)



TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ (KT1)	QCVN 19:2009/BTNMT	
					Cột B	Cmax
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	33,8	200	120
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	0,159	50	30
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT1.04	329,5	1.000	600
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT1.05	2,62	500	300
5	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT1.06	50,8	850	510

Ghi chú: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp

đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất

các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm

2015

$\lambda_{max} = C_x K_p K_v$: $K_p = 1$, $K_v = 0,6$

KT140223-007: Ống khói lò hơi số 1(KT1)

KHOA PHÁP LÝ

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường và Khí tượng Thủy văn Thành phố Hồ Chí Minh lấy về.

Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường và Khí tượng Thủy văn Thành phố Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Bản hành bản: 01

Trang 11/11